TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 679/2025/DS-PT
Ngày 16 tháng 12 năm 2025
V/v "Tranh chấp về chia di sản thừa kế và ranh giới quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh

Các thẩm phán: Ông Phan Văn Yên

Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Hồng Vân – Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị H – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 139/2025/TLPT-DS ngày 06 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp về chia di sản thừa kế và ranh giới quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 781/2025/QĐPT-DS ngày 05 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Ngọc X, sinh năm 1957. Địa chỉ: Số E, đường H, Khóm B, Phường A, thành phố S (nay là khóm C, phường S), tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần Ngọc X: Luật sư Nguyễn Văn T, Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn T, Đoàn Luật sư tỉnh Đ. Địa chỉ: Phường S), tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Ông Trần Minh C, sinh năm 1963. Địa chỉ: số C, khóm T, phường T, thành phố S (nay là phường S), tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Trần Ngọc N, sinh năm 1940.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Ngọc N: Anh Bùi Thanh T1, sinh năm 1979;

Cùng địa chỉ: Số B, ấp T, xã T, huyện C (nay là xã T), tỉnh Đồng Tháp.

2/ Ông Trần Huỳnh S, sinh năm 1941. Địa chỉ: Số C, ấp T, xã T, huyện C (nay là xã T), tỉnh Đồng Tháp.

3/ Bà Trần Ngọc S1, sinh năm 1946. Địa chỉ: C - S Gennesse St S U (Hoa Kỳ)

4/ Ông Trần Hoàng L, sinh năm 1948. Địa chỉ: Số B, ấp T, xã T, huyện C (nay là xã T), tỉnh Đồng Tháp.

***Người đại diện theo ủy quyền của ông L*:** Anh Trần Minh H1, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C (nay là xã T), tỉnh Đồng Tháp.

5/ Ông Trần Quốc N1, sinh năm 1953. Địa chỉ liên hệ: 3100 Main Ave S R, USA.

***Người đại diện theo ủy quyền của ông N1*:** Anh Trần Minh H1, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C (nay là xã T), tỉnh Đồng Tháp.

6/ Ông Trần Minh L1, (chết 2007);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông L1 gồm:

- Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1953 (Vợ ông L1)

- Trần Minh L2, sinh năm 1981 (Con ông L1);

- Trần Minh L3, sinh năm 1985 (Con ông L1).

Cùng địa chỉ: E, ấp T, xã T, huyện C (nay là xã T), tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên lạc: Số A, khóm S, phường T, thành phố S (nay là phường S), tỉnh Đồng Tháp.

- Trần Minh L4, sinh năm 1982 (Con ông L1). Địa chỉ: E, ấp T, xã T, huyện C (nay là xã T), tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên lạc: Số A Cain pl P Australia.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Trần Minh L4: Chị Trần Minh L2, sinh năm 1981; Địa chỉ: E, ấp T, xã T, huyện C (nay là xã T), tỉnh Đồng Tháp; Địa chỉ liên lạc: Số A, khóm S, phường T, thành phố S (nay là phường S), tỉnh Đồng Tháp.

7/ Bà Trần Ngọc H2, sinh năm 1965. Địa chỉ: B, ấp T, xã T, huyện C (nay là xã T), tỉnh Đồng Tháp.

8/ Ông Trần Hoàng S2, sinh năm 1945 (đã chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông S2:

8.1/ Bà Nguyễn Thị Kim T3, sinh năm 1946;

8.2/ Anh Trần Trung N2, sinh năm 1977;

8.3/ Anh Trần Trung H3, sinh năm 1979;

8.4/ Anh Trần Trung D, sinh năm 1985;

Địa chỉ: số B, khóm T, phường T, thành phố S (nay là phường S), tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Kim T3, anh Trần Trung N2, anh Trần Trung D: Anh Trần Trung H3, sinh năm 1979; Cùng địa chỉ: Số E, ấp A, xã M, huyện L (nay là xã M), tỉnh Đồng Tháp.

8.5/ Chị Trần Thị Thùy T4, sinh năm 1973. HKTT: Số E, ấp A, xã M, huyện L (nay là xã M), tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên lạc: Tầng G, số D Phố C, H, quận Z, thành phố Đ, Đài Loan.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Trần Thị Thùy T4: Anh Trần Trung H3, sinh năm 1979; Cùng địa chỉ: Số E, ấp A, xã M, huyện L (nay là xã M), tỉnh Đồng Tháp.

9/ Ông Ngô Thành D1, sinh năm 1967. Địa chỉ: Số C, khóm T, phường T, thành phố S (nay là phường S), tỉnh Đồng Tháp.

10/ Bà Trần Thị C1.

11/ Chị Trần Thị T5, sinh năm 1971.

12/ Anh Nguyễn Minh T6, sinh năm 1991.

13/ Anh Trần Hữu H4, sinh năm 1974.

14/ Trần Hữu N3, sinh năm 2006.

15/ Bà Trần Thị S3, sinh năm 1954.

16/ Trần Phước H5, sinh năm 2000

Địa chỉ: Số C, ấp T, xã T, huyện C (nay là xã T), tỉnh Đồng Tháp.

Nơi cư trú: Khóm T, phường T, thành phố S (nay là phường S), tỉnh Đồng Tháp.

17/ Bà Nguyễn Thị Mười B, sinh năm 1960

18/ Chị Trần Nguyễn Thanh T7, sinh năm 1998.

19/ Anh Trần Nguyễn Huỳnh H6, sinh năm 1990.

20/ Ông Huỳnh Văn B1, sinh năm 1937.

Cùng địa chỉ: Số C, khóm T, phường T, thành phố S (nay là phường S), tỉnh Đồng Tháp.

Người kháng cáo: Ông Trần Minh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn - bà Trần Ngọc X trình bày:

Bà X cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và ông Trần Minh C là con ruột của cụ Trần Văn T8 (chết năm 2003) và cụ Huỳnh M (chết năm 2011) cha mẹ tôi có 11 người con chung là:

1. Trần Ngọc N, sinh năm 1940

2. Trần Huỳnh S, sinh năm 1941

3. Trần Hoàng S2, sinh năm 1945 (đã chết)

4. Trần Ngọc S1, sinh năm 1946

5. Trần Hoàng L, sinh năm 1948

6. Trần Quốc N1, sinh năm 1953

7. Trần Minh L1, sinh năm 1956 (Chết năm 2007)

8. Trần Ngọc X, sinh năm 1957

9. Trần Minh C, sinh năm 1963

10. Trần Ngọc H2, sinh năm 1965

11. Trần Hóc V (chết năm 1965, không có vợ con)

Lúc sinh thời, Cha mẹ bà X có tạo lập lên một số tài sản, bao gồm:

1. Thửa đất số 269; tờ bản đồ số 9; diện tích: 1331,0m2; địa chỉ: Phường T, TP S, tỉnh Đồng Tháp. Tài sản gắn liền với đất là căn nhà cấp 4, dài 15m, ngang 5m, diện tích 75m2, vách tường, nền gạch men, mái tôn trên thửa đất số 269; tờ bản đồ số 9; diện tích: 1331,0m2; địa chỉ Phường T, TP S, tỉnh Đồng Tháp.

2. Thửa đất số 233; tờ bản đồ số 9; diện tích 2.227,3 m2; địa chỉ phường T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 05/4/2003, cha bà X là cụ Trần Văn T8 chết do bệnh, đến khoảng tháng 7/2003 các anh chị em bà X đồng ý để ông Trần Minh C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (CN QSDĐ) của hai thửa đất số 269, 233, tại tờ bản đồ số 9 là tài sản chung của cha mẹ bà X để ông C vay ngân hàng lấy tiền làm ăn, việc đồng ý để ông C đứng tên có lập văn bản. Đến ngày 11/04/2011 mẹ của bà là cụ Huỳnh M chết. Di sản của cha mẹ bà X để lại là quyền sử dụng 02 thửa đất số 269, 233 và căn nhà cấp 4, không có di chúc.

Ngày 14/02/2015 ông Trần Minh C đã làm Tờ cam kết với nội dung: "…Trước đây tôi có nhờ anh em ký tên ủy quyền cho tôi được làm chủ quyền đất của cha mẹ để lại, để tôi có điều kiện vay ngân hàng làm vốn kinh doanh. Phần đất nêu trên tôi sẽ giữ nguyên như cha mẹ còn sống. Nay tôi đồng ý chia cho người anh thứ sáu là ông: Trần Hoàng S2 200m2 (hai trăm mét vuông) để làm nhà ở. Phần đất còn lại cập với người anh thứ sáu, khi thuận tiện tôi sẽ bán và chia cho tất cả anh em chưa hưởng hương quả, của cha mẹ để lại….".

Đến đầu năm 2015, bà X quyết định giao cho ông Trần Hoàng S2 200m2 để cất nhà ở tại thửa 233, tờ bản đồ số 9, địa chỉ tại phường T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp do ông Trần Minh C đứng tên giấy CN QSDĐ; trên phần diện tích 200m2, ông Trần Hoàng S2 đã cất nhà cấp trên phần đất ngang 5m, dài 15m, diện tích khoảng 75m2, mái tôn, nền gạch men, vách tường, nhưng chưa làm thủ tục tách thửa để ông S2 đứng tên giấy CN QSDĐ.

Ngày 30/10/2018, bà X đồng ý mua lại phần diện tích 2027,3m2 (phần diện tích đất này đã trừ đi 200m2 mà ông C đồng ý chuyển nhượng cho ông S2); Ông C và các anh chị em bà X đồng ý bán 2027,3 m2 của thửa đất số 233 với giá 1.000.000đ/m2 x 2.027,3m2 = 2.027.300.000đ cho bà X. Tất cả anh chị em bà X cử anh thứ bảy là ông Trần Hoàng L làm đại diện đứng bán đất. Bà X có làm Giấy Hợp đồng mua bán (Không có công chứng) có chữ ký của tất cả anh chị em bán cho bà X. Bà X đã giao cho ông L số tiền là 650.000.000đ để ông L đưa cho ông C chuộc hai Giấy CNQSDĐ của hai thửa đất nói trên. Ông C có làm Giấy cam kết sau khi lấy Giấy CN QSDĐ về, ông C sẽ giao cho ông L đứng bán thửa đất số 233, để chia tiền cho các anh chị em bà X.

Bà X đã giao tiền cụ thể như sau:

1. Giao cho ông L số tiền: 650.000.000đ để ông L giao lại cho ông C chuộc hai Giấy CNQSDĐ của hai thửa đất nói trên.

2. Bà Trần Ngọc N, số tiền: 50.000.000đ

3. Ông Trần Hoàng L, số tiền: 334.000.000đ.

4. Ông Trần Quốc N1, số tiền: 193.334.000đ.

5. Trần Minh L2 (sinh năm 1981, con ông Trần Minh L1) số tiền: 45.000.000đ

6. Bà Trần Ngọc H2, số tiền: 6.000.000đ

Tổng cộng: 1.278.334.000đ (Một tỷ, hai trăm bảy mươi tám triệu, ba trăm ba mươi bốn ngàn đồng)

Những người còn lại chưa nhận tiền gồm có: Ông Trần Huỳnh S, bà Trần Ngọc S1. Cùng ngày, ông C đã giao đất cho bà X cùng với Giấy CN QSDĐ thửa đất số 233.

Tháng 12/2018, bà X cho bà Lê Thị N4 thuê toàn bộ diện tích 2027,3m2 tại thửa 233 để trồng hoa kiểng từ 30/12/2018 đến 30/12/2020, việc cho thuê không có làm hợp đồng cho thuê mà chỉ có biên nhận tiền hằng năm.

Đến tháng 07/2019, ông Trần Minh C đã lấy lại lấy giấy CN QSDĐ thửa 233 từ Bà X với lý do làm hồ sơ tách thửa 200m2 cho ông Trần Hoàng S2 và sang tên cho bà X. Khi lấy lại được giấy giấy CN QSDĐ ông C tự ý quyết định bán 2027,3m2 cho người khác và thách thức Bà X kiện ra Tòa, hiện giấy CN QSDĐ thửa 233 còn ở bộ phận Một cửa của thành phố S.

Hiện nay, thửa đất 269; tờ bản đồ số 9; diện tích: 1331,0m2; địa chỉ Phường T, TP S, tỉnh Đồng Tháp và căn nhà cấp 4 (nhà thờ) do ông Trần Minh C quản lý, sử dụng.

Nay bà Trần Ngọc X khởi kiện yêu cầu:

Phân chia toàn bộ di sản do cha (Trần Văn T8) mẹ (H) của bà X để lại cho các anh chị em bà X và Trần Văn T8) mẹ (Huỳnh M) của bà X để lại cho các anh chị em bà yêu cầu được hưởng 1/10 di sản cha, mẹ để lại là:

1. Đối với thửa đất số 269; tờ bản đồ số 9; diện tích: 1331,0m2; địa chỉ Phường T, TP S, tỉnh Đồng Tháp. Tài sản gắn liền với đất là căn nhà cấp 4, dài 15m, ngang 5m, diện tích 75m2, vách tường, nền gạch men, mái tôn trên thửa đất số 269; tờ bản đồ số 9; diện tích: 1331,0m2; địa chỉ Phường T, TP S, tỉnh Đồng Tháp; bà X đồng ý để ông Trần Minh C được được hưởng toàn bộ căn nhà thờ diện tích khoảng 75m2 tại thửa 269. Như vậy phần diện tích đất còn lại ở thửa 269 sau khi trừ lại 75m2 là còn 1.256m2, bà X yêu cầu được đồng sở hữu với những người thuộc hàng thừa kế của cụ T8 và cụ M gồm ông L, bà H2, bà N cùng các con ông L1.

2. Đối với thửa đất số 233; tờ bản đồ số 9; diện tích 2.227,3 m2; địa chỉ phường T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Bà X yêu cầu được hưởng 1/10 diện tích thửa 233 tức: 1/10 x 2.227,3m2 = 222,73m2 (Tạm tính giá trị đất là 1.000.000đ/m2), tôi yêu cầu được nhận hiện vật.

3. Đối với số tiền bà X đưa cho ông C, bà N; ông L, ông N1, ông L2, bà H2, bà yêu cầu sau khi được chia phần di sản tại thửa 233, thì các ông, bà này phải giao lại phần đất cho bà X quản lý, sử dụng, số tiền chênh lệch còn lại các đương sự tự thỏa thuận.

Bị đơn - ông Trần Minh C trình bày:

Cha ông là ông Trần Văn T8 và mẹ ông là bà Huỳnh M có 11 người con nhưng đã chết 01 người (chết từ nhỏ không có vợ con), còn lại 10 người trong đó có ông Trần Minh L1 chết năm 2007 và ông Trần Hoàng S2 chết năm 2021; ông không thống nhất yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Ngọc X vì phần đất này các anh, chị, em của ông thống nhất giao cho ông nên thuộc quyền sở hữu của ông nếu các anh, chị, em của ông yêu cầu chia thì phải thỏa thuận với ông chứ không được quyền kiện ông, ông có chứng cứ chứng minh phần đất đó ông đứng tên là phù hợp quy định pháp luật; ông không thống nhất chữ ký trong tờ cam kết là do ông ký; Phần 650 triệu ông thống nhất là có mượn của ông Trần Hoàng L để chuộc giấy chứng nhận QSD đất ra và nhờ ông L tìm người bán đất; nhưng khi chuộc giấy chứng nhận QSD đất ra xong ông không bán nữa và có thỏa thuận với ông L giao cho L 200m2 đất tại thửa 233, phần đất đó hiện nay có nhà ông Trần Hoàng S2 trên đó. Nay ông L yêu cầu ông trả lại 650 triệu, ông C đồng ý.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - ông Trần Hoàng L trình bày:

Ông thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế của ông T8 và bà M và phần di sản của cha mẹ để lại là phần diện tích bà X đang tranh chấp và ông nhận 01 phần di sản của cha, mẹ ông để lại và yêu cầu nhận hiện vật, ông đồng ý trả lại 334 triệu cho bà X mà ông đã nhận từ X; đối với số tiền 650 ông cho ông C mượn là tiền là số tiền ông nhận của bà X nhận chuyển nhượng đất mà ông C nhờ ông tìm người mua đất cho ông C; Nếu ông C không thống nhất yêu cầu chia di sản thì ông yêu cầu ông C trả lại ông số tiền 650 triệu.

Theo đơn yêu cầu độc lập ông L yêu cầu:

-Yêu cầu phân chia tòa bộ di sản do cha (cụ Trần Văn T8 và mẹ (cụ Huỳnh M) để lại cho các anh chị em ông, yêu cầu được hưởng 1/10 giá trị di sản theo quy định pháp luật:

- Đối với thửa đất số 269; tờ bản đồ số 9; diện tích: 1.331,0m2; địa chỉ Phường T, TP S, tỉnh Đồng Tháp. Tài sản gắn liền với đất là căn nhà cấp 4, dài 15m, ngang 5m, diện tích 75m2, vách tường, nền gạch men, mái tôn trên thửa đất số 269; tờ bản đồ số 9; diện tích: 1331,0m2; địa chỉ Phường T, TP S, tỉnh Đồng Tháp; Ông L đồng ý để ông Trần Minh C được được hưởng toàn bộ căn nhà thờ diện tích khoảng 75m2 tại thửa 269.

Như vậy phần diện tích đất còn lại ở thửa 269 sau khi trừ lại 75m2 là còn 1.256m2, ông yêu cầu chia ra thành 10 phần (tạm tính giá trị đất tại thửa 269 này 2.000.000đ/m2, ông L yêu cầu được hưởng 1/10 x 1.256m2 = 125,6m2.

Đối với thửa đất số 233; tờ bản đồ số 9; diện tích 2.227,3 m2; địa chỉ phường T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Ông L yêu cầu chia theo quy định pháp luật, yêu cầu được được hưởng 1/10 giá trị của diện tích thửa 233, (Tạm tính giá trị đất là 1.000.000đ/m2) tức: 1/10 x 2.227,3m2 = 222,73m2 x 1.000.000đồng = 227.730.000đồng.

Ông L đồng ý trả lại 334 triệu cho bà X mà ông đã nhận từ X; đối với số tiền 650 ông cho ông C mượn là số tiền ông nhận của bà X để đưa cho ông C chuộc 2 giấy đất ra. Nay ông đồng ý trả lại cho bà X 650.000.000 và yêu cầu ông C trả cho ông 650 triệu để ông trả cho bà X.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - ông Trần Huỳnh S trình bày:

Ông S thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế của ông T8 và bà M và phần di sản của cha, mẹ ông để lại là phần diện tích bà X đang tranh chấp và yêu cầu chia; ông thống nhất chia di sản và yêu cầu nhận 01 phần di sản của cha, mẹ ông để lại và yêu cầu nhận hiện vật, yêu cầu nhận phần đất ngay vị trí căn nhà ông đang ở và thống nhất trả lại giá trị nếu phần đất ông được nhận nhiều hơn phần di sản được chia.

Tại đơn yêu cầu độc lập, ông S yêu cầu: Ông nhận phần đất ngay vị trí căn nhà tôi đang ở và thống nhất trả lại giá trị nếu phần đất ông được nhận nhiều hơn phần di sản được chi. Tạm tính giá trị đất tại thửa 269 có giá trị 200.000đồng/m2.

Đối với thửa đất số 233; tờ bản đồ số 9; diện tích 2.227,3 m2; địa chỉ phường T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Ông S yêu cầu chia theo quy định pháp luật, yêu cầu được được hưởng 1/10 giá trị của diện tích thửa 233, (Tạm tính giá trị đất là 1.000.000đ/m2) tức: 1/10 x 2.227,3m2 = 222,73m2 x 1.000.000đồng = 227.730.000đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - chị Trần Minh L2 trình bày:

Chị L2 là con của ông Trần Minh L1. Ông L1 có vợ là bà Nguyễn Thị T2 và có 03 người con: Trần Minh L2; Minh Minh L3 và Trần Minh L4; ngoài rần Minh L2; Minh Minh L3 và Trần Minh L4 thì cha chị không có con chung, con riêng hay con nuôi nào khác; chị là người đại diện theo ủy quyền của Trần Minh L4 và Trần Minh L3, chị thống nhất hàng của cụ Trần Văn T8 và cụ Huỳnh M có 11 người con nhưng đã chết 01 người (chết từ nhỏ không có vợ con), còn lại 10 người trong đó có ông Trần Minh L1 chết năm 2007 và ông Trần Hoàng S2 chết năm 2021; Chị L2 thống nhất di sản của cụ T8 và cụ M để lại gồm 02 thửa đất như nguyên đơn trình bày và chị yêu cầu nhận phần di sản của ông T8 và Mỹ để

lại, yêu cầu nhận giá trị và thống nhất là gia đình chị có nhận 45 triệu đồng của bà X đồng ý sau khi nhận giá trị phần di sản của ông, bà để lại sẽ trừ ra số tiền này.

Tại đơn yêu cầu độc lập chị L2 yêu cầu:

- Nhận phần di sản của cụ T8 và cụ M để lại và thống nhất là gia đình chị có nhận 45 triệu đồng của bà X đồng ý sau khi nhận giá trị phần di sản của ông, bà để lại sẽ trừ ra số tiền này; yêu cầu chia phần di sản thừa kế theo quy định pháp luật:

- Đối với thửa đất số 269; tờ bản đồ số 9; diện tích: 1331,0m2; địa chỉ Phường T, TP S, tỉnh Đồng Tháp. Tài sản gắn liền với đất là căn nhà cấp 4, dài 15m, ngang 5m, diện tích 75m2, vách tường, nền gạch men, mái tôn trên thửa đất số 269; tờ bản đồ số 9; diện tích: 1331,0m2; địa chỉ Phường T, TP S, tỉnh Đồng Tháp; bà H2 đồng ý để ông Trần Minh C được được hưởng toàn bộ căn nhà thờ diện tích khoảng 75m2 tại thửa 269.

Như vậy phần diện tích đất còn lại ở thửa 269 sau khi trừ lại 75m2 là còn 1.256m2, bà H2 yêu cầu chia ra thành 10 phần (tạm tính giá trị đất tại thửa 269 này 2.000.000đ/m2, bà H2 yêu cầu được hưởng 1/10 x 1.256m2 = 125,6m2, chị L2 yêu cầu nhận giá trị tương đương số tiền là 251.200.000đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - anh Trần Trung H3 trình bày:

Anh con của ông Trần Hoàng S2; ông S2 chết năm 2021; Hàng thừa kế thứ nhất của ông S2 gồm mẹ anh là bà Nguyễn Thị Kim T3; anh Trần Trung N2; anh Trần Trung D và anh. Ngoài những người này ra thì ông S2 không có con nuôi hay con riêng nào khác; anh H3 thống nhất hàng thừa kế của cụ Trần Văn T8 và cụ Huỳnh M và thống nhất di sản của ông, bà để lại là 02 thửa đất số 233 và thửa 269; thống nhất yêu cầu chia phần di sản của cụ T8, cụ M để lại và yêu cầu nhận 01 phần diện tích đất tại thửa 233 diện tích khoảng 200m2, ngay vị trí nhà đang ở; nếu diện tích sử dụng lớn hơn phần bên anh được nhận thì anh có đồng ý trả lại phần giá trị dư ra cho các đồng thừa kế.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - bà Trần Ngọc H2 trình bày:

Bà H2 thống nhất hàng thừa kế của cụ Trần Văn T8 và cụ Huỳnh M có 11 người con nhưng đã chết 01 người (chết từ nhỏ không có vợ con), còn lại 10 người trong đó có ông Trần Minh L1 chết năm 2007 và ông Trần Hoàng S2 chết năm 2021; thống nhất chia phần di sản của cụ T8, cụ M để lại là 02 thửa đất bà X đang tranh chấp và yêu cầu nhận phần di sản của cụ T8 và cụ M để lại và yêu cầu nhận giá trị. Bà H2 thừa nhận có nhận 06 triệu đồng của bà X đồng ý sau khi nhận giá trị phần di sản của cha, mẹ bà để lại sẽ trừ ra số tiền này ra.

- Tại đơn yêu cầu độc lập, bà H2 yêu cầu:

Phân chia tòa bộ di sản do cha (cụ Trần Văn T8 và mẹ (cụ Huỳnh M) để lại cho các anh chị em chúng tôi, yêu cầu được hưởng 1/10 giá trị di sản tho quy định pháp luật:

Đối với thửa đất số 269; tờ bản đồ số 9; diện tích: 1331,0m2; địa chỉ Phường T, TP S, tỉnh Đồng Tháp. Tài sản gắn liền với đất là căn nhà cấp 4, dài 15m, ngang 5m, diện tích 75m2, vách tường, nền gạch men, mái tôn trên thửa đất số 269; tờ bản đồ số 9; diện tích: 1331,0m2; địa chỉ Phường T, TP S, tỉnh Đồng Tháp; bà H2 đồng ý để ông Trần Minh C được được hưởng toàn bộ căn nhà thờ diện tích khoảng 75m2 tại thửa 269.

Như vậy phần diện tích đất còn lại ở thửa 269 sau khi trừ lại 75m2 là còn 1.256m2, bà H2 yêu cầu chia ra thành 10 phần (tạm tính giá trị đất tại thửa 269 này 2.000.000đ/m2, bà H2 yêu cầu được hưởng 1/10 x 1.256m2 = 125,6m2, bà H2 yêu cầu nhận giá trị tương đương số tiền là 251.200.000đồng.

Đối với thửa đất số 233; tờ bản đồ số 9; diện tích 2.227,3 m2; địa chỉ phường T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Bà H2 yêu cầu chia theo quy định pháp luật, yêu cầu được được hưởng 1/10 giá trị của diện tích thửa 233, (Tạm tính giá trị đất là 1.000.000đ/m2) tức: 1/10 x 2.227,3m2 = 222,73m2 x 1.000.000đồng = 227.730.000đồng.

Bà H2 đồng ý trả lại số tiền đã nhận của bà Trần Ngoc X1 trước đó là 6.000.000đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - anh Bùi Thanh T1 là người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Ngọc N trình bày:

Anh T9 là con bà N và là người dại diện theo ủy quyền của N trong vụ án này; Bà N thống nhất hàng thừa kế của ông Trần Văn T8 và bà Huỳnh M có 11 người con nhưng đã chết 01 người (chết từ nhỏ không có vợ con), còn lại 10 người trong đó có ông Trần Minh L1 chết năm 2007 và ông Trần Hoàng S2 chết năm 2021; thống nhất chia phần di sản của ông T8, bà M để lại là 02 thửa đất bà X1 đang tranh chấp và yêu cầu nhận phần di sản của ông T8 và M để lại và yêu cầu nhận giá trị. Anh T9 thừa nhận bà N có nhận 50 triệu đồng của bà X1 đồng ý sau khi nhận giá trị phần di sản của ông T8 và bà M để lại để lại rồi sẽ trừ ra số tiền này ra.

- Tại đơn yêu cầu độc lập, anh T9 là người đại diện theo ủy quyền của bà N yêu cầu:

Anh Bùi Thanh T1 thống nhất chia phần di sản của ông T8, bà M để lại là 02 thửa đất bà X1 đang tranh chấp và yêu cầu nhận phần di sản của ông T8 và M để lại và yêu cầu nhận giá trị. Yêu cầu:

Đối với thửa đất số 269; tờ bản đồ số 9; diện tích: 1331,0m2; địa chỉ Phường T, TP S, tỉnh Đồng Tháp. Tài sản gắn liền với đất là căn nhà cấp 4, dài 15m, ngang 5m, diện tích 75m2, vách tường, nền gạch men, mái tôn trên thửa đất số 269; tờ bản đồ số 9; diện tích: 1331,0m2; địa chỉ Phường T, TP S, tỉnh Đồng Tháp; Bà N đồng ý để ông Trần Minh C được được hưởng toàn bộ căn nhà thờ diện tích khoảng 75m2 tại thửa 269.

Như vậy phần diện tích đất còn lại ở thửa 269 sau khi trừ lại 75m2 là còn 1.256m2, bà N yêu cầu chia ra thành 10 phần (tạm tính giá trị đất tại thửa 269 này 2.000.000đ/m2, tôi yêu cầu được hưởng 1/10 x 1.256m2 = 125,6m2, bà N yêu cầu nhận giá trị tương đương số tiền là 251.200.000đồng.

Đối với thửa đất số 233; tờ bản đồ số 9; diện tích 2.227,3 m2; địa chỉ phường T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Bà N yêu cầu chia theo quy định pháp luật, yêu cầu được được hưởng 1/10 giá trị của diện tích thửa 233, (Tạm tính giá trị đất là 1.000.000đ/m2) tức: 1/10 x 2.227,3m2 = 222,73m2 x 1.000.000đồng = 227.730.000đồng.

Bà N có nhận 50 triệu đồng của bà X1 đồng ý sau khi nhận giá trị phần di sản của ông T8 và bà M để lại để lại rồi sẽ trừ ra số tiền này ra.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - ông N1 có văn bản trình bày:

Ông N1 cũng xác định di sản của cha mẹ để lại như bà X1 trình bày, nên nay ông yêu cầu chia thừa kế theo quy định. Ông N1 thừa nhận có nhận của bà X1 số tiền là 193.334.000đ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp quyết định:

Căn cứ điều 26, Điều 38, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157 và Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 612, 623, 649, 650, 651 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Trần Ngọc X, ông Trần Hoàng L, bà Trần Ngọc H2, bà Trần Ngọc N, hàng thừa kế của ông Trần Hoàng S2 (gồm: bà Nguyễn Thị Kim T3, Trần Trung N2, Trần Trung H3, Trần Trung D, Trần Thị Thùy T4), hàng thừa kế của ông Trần Minh L1 (gồm bà Nguyễn Thị T2, Trần Minh L2, Trần Minh L3, Trần Minh L4), ông Trần Quốc N1, ông Trần Huỳnh S.

1. Đối với thửa đất số 269; tờ bản đồ số 9; diện tích: 1.331m2; theo đo đạc thực tế có diện tích 1.360,4m2; Đất tọa lạc tại Phường T, TP S, tỉnh Đồng Tháp.

- Ông Trần Huỳnh S được tiếp tục quản lý sử dụng phần đất có diện tích 241,4m2 thuộc 01 phần thửa 269 tờ bản đồ địa chính số 09, trong đó: có 60m2 đất ở nông thôn (ONT) và 181,4m2 đất cây lâu năm (CLN), được xác định bởi các mốc (11, 12, 13, 21, 11) trên đất có nhà chính, nhà phụ của ông S.

Ông Trần Huỳnh S có nghĩa vụ trả giá trị đất cho bà Trần Ngọc X, bà Trần Ngọc N, ông Trần Hoàng L, ông Trần Quốc N1, bà Trần Ngọc S1, hàng thừa kế của ông Trần Minh L1 (gồm bà Nguyễn Thị T2, Trần Minh L2, Trần Minh L3, Trần Minh L4), bà Trần Ngọc H2, hàng thừa kế của ông Trần Hoàng S2 (gồm: bà Nguyễn Thị Kim T3, Trần Trung N2, Trần Trung H3, Trần Trung D, Trần Thị Thùy T4) mỗi người được nhận giá trị đất từ ông S với số tiền là: 45.743.000đ (Bốn mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

Tạm giao cho ông Trần Huỳnh S quản lý số tiền 45.743.000đ của bà Trần Ngọc S1 cho đến khi bà S1 có yêu cầu.

- Ông Trần Minh C được tiếp tục quản lý sử dụng là: 1.119m2 thuộc 01 phần thửa 269, tờ bản đồ số 09, trong đó, có 180m2 đất ở nông thôn và 939m2 đất cây lâu năm, được xác định bởi các mốc (9, 10, 11, 21, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 9); trên đất có nhà của ông C, nhà con ông C, khu mộ và nhà kho của gia đình ông C.

Ông Trần Minh C có nghĩa vụ thối giá trị cho bà Trần Ngọc X, bà Trần Ngọc N, ông Trần Hoàng L, ông Trần Quốc N1, bà Trần Ngọc S1, hàng thừa kế của ông Trần Minh L1 (gồm bà Nguyễn Thị T2, Trần Minh L2, Trần Minh L3, Trần Minh L4), bà Trần Ngọc H2, hàng thừa kế của ông Trần Hoàng S2 (gồm: bà Nguyễn Thị Kim T3, Trần Trung N2, Trần Trung H3, Trần Trung D, Trần Thị Thùy T4) mỗi người được nhận giá trị đất từ ông C với số tiền là: 71.110.000đ (Bảy mươi mốt tiệu một trăm mười nghìn đồng).

Tạm giao cho ông Trần Minh C quản lý số tiền 71.110.000đ của bà Trần Ngọc S1 cho đến khi bà S1 có yêu cầu.

2. Đối với thửa đất số 233; tờ bản đồ số 9; diện tích theo đo đạc thực tế là 2.256 m2 đất tọa lạc tại phường T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

- Hàng thừa kế của ông Trần Hoàng S2 (gồm: bà Nguyễn Thị Kim T3, Trần Trung N2, Trần Trung H3, Trần Trung D, Trần Thị Thùy T4) được tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất: 216,5m2 thuộc 01 phần thửa 233, tờ bản đồ số 9, loại đất cây lâu năm, trên đất có căn nhà cấp 4 của bên ông S2.

Hàng thừa kế của ông Trần Hoàng S2 (gồm: bà Nguyễn Thị Kim T3, Trần Trung N2, Trần Trung H3, Trần Trung D, Trần Thị Thùy T4) phải trả giá trị

phần thừa kế được hưởng cho ông Trần Huỳnh S của diện tích 102,55m2 với số tiền là 102.550.000đ;

Hàng thừa kế của ông Trần Hoàng S2 (gồm: bà Nguyễn Thị Kim T3, Trần Trung N2, Trần Trung H3, Trần Trung D, Trần Thị Thùy T4) phải giá trị một phần thừa kế cho bà Trần Ngọc N với số tiền là 11.400.000đ (tương đương 11,4m2).

- Bà Trần Ngọc X được quản lý, sử dụng với diện tích là: 2.039,55m2, loại đất cây lâu năm, thuộc 01 phần thửa 233, tờ bản đồ số 09.

Bà Trần Ngọc X phải trả giá trị phần thừa kế cho ông Trần Hoàng L, ông Trần Quốc N1, hàng thừa kế của ông Trần Minh L1 (gồm bà Nguyễn Thị T2, Trần Minh L2, Trần Minh L3, Trần Minh L4), bà Trần Ngọc H2 mỗi người với số tiền là 102.550.000đ (giá trị của diện tích 102,55m2);

Bà Trần Ngọc X phải trả giá trị một phần thừa kế được hưởng cho bà Trần Ngọc N với số tiền là 91.150.000đ (Chín mươi mốt triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) (giá trị của diện tích 91,15m2);

Bà Trần Ngọc X phải trả giá trị phần thừa kế được hưởng cho ông Trần Minh C với số là 1.435.650.000đ (Một tỉ bốn trăm ba mươi lăm triệu sáu trăm năm chục nghìn đồng) (giá trị của diện tích 1.435, 65m2).

Bà X được nhận số tiền bồi thường, hổ trợ do đất bị thu hồi với số tiền là: 284.194.000đ (Hai trăm tám mươi bốn triệu, một trăm chín mươi bốn nghìn đồng) theo QĐ số 335/QĐ. HĐ BTHT &TĐC ngày 31/7/2024 của UBND Thành phố S.

Tạm giao cho ông C quản lý số tiền 102.550.000đ của bà S1 cho đến khi bà S1 có yêu cầu.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định ngày 19/01/2021 và ngày 15/3/2024 của Tòa án tỉnh và sơ đồ đo đạc đất tranh chấp ngày 15/3/2024 của Trung tâm K).

Các đương sự được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai đăng ký, điều chỉnh diện tích quyền sử dụng đất theo bản án đã tuyên.

3. Đối với số tiền 650.000.000đ (Sáu trăm năm chục triệu đồng):

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Trần Minh C đồng ý trả cho ông Trần Hoàng L số tiền 650.000.000đ;

Ông Trần Hoàng L đồng ý trả cho bà Trần Ngọc X số tiền 650.000.000đ;

- Đình chỉ đối với yêu cầu đòi lại tài sản và đối với yêu cầu tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất của bà X, do bà X rút yêu cầu.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, chi phí tố tụng, án phí quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21/01/2025, bị đơn ông Trần Minh C kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết không chia cho ông Trần Huỳnh S 241,4m^2 đất như Tòa án cấp sơ thẩm đã chia, mà chỉ chia cho ông S được nhận phần đất ngang 05m, dài 25m. Phần đất còn lại giao cho ông C và ông C sẽ trả lại giá trị phần đất này cho các đồng thừa kế khác.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Trần Minh C trình bày: Do phần đất 241,4m^2 ông Trần Huỳnh S được Tòa án cấp sơ thẩm tuyên chia cho ông S được nhận có 2 mặt tiền, trong khi đó diện tích đất ông C được nhận tuy nhiều hơn nhưng chỉ có một lối vào chiều ngang khoảng hơn 2m chứ không có mặt tiền. Vì vậy, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết chỉ chia cho ông S được nhận phần đất ngang 05m, dài 25m, phần đất còn lại gia đình ông S đang quản lý thì giao cho ông C và ông C sẽ trả lại giá trị phần đất này cho các đồng thừa kế khác.

Ông Trần Huỳnh S trình bày: Phần đất 241,4m^2 nêu trên, ông Trần Huỳnh S đã ở quản lý sử dụng mấy chục năm về trước, đã xây nhà ở cho gia đình hầu hết diện tích đất này nên không thể phá nhà cắt đất cho ông C được. Đề nghị Tòa án bác kháng cáo của ông C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bà Trần Ngọc X, anh Bùi Thanh T1, anh Trần Minh H1, chị Trần Minh L2, bà Trần Ngọc H2, anh Trần Trung H3 trình bày: Tòa án cấp phúc thẩm đã xét xử đúng pháp luật. Ngoài ông C thì các đồng thừa kế đều thống nhất theo bản án sơ thẩm nên không ai kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư Nguyễn Văn T trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và xét xử đúng quy định của pháp luật. Ông Trần Minh C kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới so với cấp sơ thẩm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thủ tục kháng cáo của đương sự thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Tòa án cấp sơ thẩm xác định nguyên đơn khởi kiện chia thừa kế còn trong thời hiệu khởi kiện là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Trần Minh C.

[2.1] Các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm đều thống nhất về hàng thừa kế của cụ Trần Văn T8 (chết năm 2003) và cụ Huỳnh M (chết năm 2011) còn lại 10 người. Về di sản thừa kế của cụ T8, cụ Huỳnh M có 02 thửa đất, gồm thửa 269 và thửa 233, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại phường T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp (nay là phường S, tỉnh Đồng Tháp) như đã nêu tại các phần nội dung trên.

Các đương sự tại phiên tòa, (trừ ông Trần Minh C) đều thống nhất theo quyết định của bản án sơ thẩm. Riêng ông Trần Minh C không đồng ý chia cho ông Trần Huỳnh S 241,4m^2 đất như Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên, mà đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chỉ chia cho ông S được nhận phần đất kích thước ngang 05m, dài 25m. Phần đất còn lại giao cho ông C và ông C sẽ trả lại giá trị phần đất này cho các đồng thừa kế khác.

[2.2] Hội đồng xét xử xét thấy, đối với thửa 269, di sản được xác định bằng 1.285,4m^2, Tòa án cấp sơ thẩm đã phân chia di sản thừa kế cho các đồng thừa kế, trong đó ông Trần Huỳnh S nhận bằng hiện vật như sau:

Khu nhà, đất ông S đang sử dụng diện tích 241,4m^2, ông S được hưởng kỷ phần 58,43m^2, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông S phải trả giá trị của diện tích đất chênh lệch vượt quá diện tích kỷ phần ông S được hưởng là 182,97m^2 cho các đồng thừa kế khác bằng 365.940.000đ (182,97m^2 đất x 2.000.000đ/m^2. Theo đó, bà Trần Ngọc X, bà Trần Ngọc N, ông Trần Hoàng L, ông Trần Quốc N1, bà Trần Ngọc S1, hàng thừa kế của ông Trần Minh L1, bà Trần Ngọc H2, hàng thừa kế của ông Trần Hoàng S2 mỗi người được nhận giá trị đất từ ông S là 45.743.000đ.

[2.3] Đối với ông Trần Minh C: Trong thửa đất 269, ông Trần Minh C được hưởng phần cụ M tặng cho là 642,7m^2 (1.285,4m^2: 2) và được hưởng thêm kỷ phần của ông C được chia trong khối di sản này. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên ông Trần Minh C được tiếp tục quản lý sử dụng diện tích đất 1.119m^2, thuộc một phần thửa 269, tờ bản đồ số 09, trong đó có 180m^2 đất ở nông thôn và tuyên ông C phải trả giá trị của diện tích đất chênh lệch vượt quá diện tích kỷ phần ông C được hưởng.

[2.4] Như vậy, ông Trần Minh C và ông Trần Huỳnh S đều được chia di sản thừa kế bằng hiện vật là quyền sử dụng đất. Do ông S đã quản lý sử dụng diện tích 241,4m^2 từ lâu, trên khu đất này có nhà chính, có nhà phụ của gia đình ông S, có nhà của con ông S đều là công trình kiên cố nên việc phá dỡ, di dời tài sản này để giao đất theo yêu cầu của ông C là không phù hợp. Đối với diện tích đất ông S được nhận nhiều hơn so với kỷ phần của ông S được hường thì đã được quy ra thành tiền theo định giá, ông S phải trả cho các đồng thừa kế khác tương đương với giá trị phần diện tích đất vượt quá kỷ phần ông S được hưởng. Do đó, Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện các tài liệu, chứng cứ, xem xét thực tế việc sử dụng đất của các đương sự và đã phân chia di sản thừa kế rất công bằng, đảm bảo quyền lợi chính đáng của ông C, cũng như ông S.

Ông Trần Minh C kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông C; giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với phần nội dung kháng cáo của ông C.

[3] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Minh C là người cao tuổi nên được miễn.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Minh C; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm đối với phần bản án có kháng cáo của ông Trần Minh C như sau:

1.1. Đối với thửa đất số 269; tờ bản đồ số 9; diện tích: 1.331m^2; theo đo đạc thực tế có diện tích 1.360,4m^2; Đất tọa lạc tại Phường T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Trần Huỳnh S được tiếp tục quản lý sử dụng phần đất có diện tích 241,4m^2, thuộc 01 phần thửa 269, tờ bản đồ địa chính số 09, trong đó: có 60m^2 đất ở nông thôn (ONT) và 181,4m^2 đất cây lâu năm (CLN), được xác định bởi các mốc (11, 12, 13, 21, 11) trên đất có nhà chính, nhà phụ của ông S.

1.2. Ông Trần Huỳnh S có nghĩa vụ trả giá trị đất cho bà Trần Ngọc X, bà Trần Ngọc N, ông Trần Hoàng L, ông Trần Quốc N1, bà Trần Ngọc S1, hàng thừa kế của ông Trần Minh L1 (gồm bà Nguyễn Thị T2, Trần Minh L2, Trần Minh L3, Trần Minh L4), bà Trần Ngọc H2, hàng thừa kế của ông Trần Hoàng S2 (gồm: bà Nguyễn Thị Kim T3, Trần Trung N2, Trần Trung H3, Trần Trung D, Trần Thị Thùy T4) mỗi người được nhận giá trị đất từ ông S với số tiền là: 45.743.000đ.

1.3. Tạm giao cho ông Trần Huỳnh S quản lý số tiền 45.743.000đ của bà Trần Ngọc S1 cho đến khi bà S1 có yêu cầu.

1.4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, mà người phải thi hành án chưa thi hành các khoảng tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành cho đến khi thi hành án xong.

2 Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Minh C được miễn.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VCTVKSXXPT tại TP Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Đồng Tháp (1);
- VKSND tỉnh Đồng Tháp (1);
- THADS tỉnh Đồng Tháp (1);
- Đương sự (8);
- Lưu VP(6), HS(2). 21b.ĐHV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Ngọc Huynh